

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC QUANG  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 14 - 9- 2023  
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Hoàng Minh Tuấn.
- Ông Nguyễn Hồng Diện.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lăng Đức Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Ngọc Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 5/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị S**, sinh năm 1995. Số CCCD 002195007254, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/3/2022, "vắng mặt"

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn X**, sinh năm 1994. Số CCCD 002094009031, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021, "vắng mặt".

Cùng địa chỉ: **Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Phan Thị S** trình bày: Chị và anh **Hoàng Văn X** tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương từ năm 2012. Sau khi cưới, anh chị cùng nhau sinh sống tại **thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang**. Đến tháng 10/ 2014 anh chị đến **UBND xã V** đăng ký kết hôn. Thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2020 thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị thường xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình trạng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên cuối năm 2020 chị **S** đã bỏ nhà đi làm ăn và anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm gì đến nhau. Chị **S** nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Hoàng Văn X**.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có ba con chung, cháu **Hoàng Quang L**, sinh ngày 13/9/2012, cháu **Hoàng Trung H**, sinh ngày 23/12/2015 và cháu **Hoàng Gia B**, sinh ngày 27/02/2018. Khi ly hôn, chị **S** có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Hoàng Gia B** cho đến khi cháu **B** đủ 18 tuổi; giao cháu **Hoàng Quang L** và cháu **Hoàng Trung H** cho anh **X** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **L**, cháu **H** cho đến khi cháu **L**, cháu **H** đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị **S** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **X** không gửi bản tự khai, không cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của chị **S**. Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh **X** nhiều lần để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng anh **X** vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các biên bản xác minh ngày 9/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với bà **Ma Thị Đ** là mẹ đẻ của anh **X** và với đại diện **thôn V**, đại diện **UBND xã V** nơi chị **S** và anh **X** sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị **Phan Thị S** và anh **Hoàng Văn X** tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương từ năm 2012. Sau khi cưới, anh chị cùng nhau sinh sống tại **thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang**. Đến tháng 10/ 2014 anh chị đến **UBND xã V** đăng ký kết hôn. Thời gian



đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2020 thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị thường xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình trạng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên cuối năm 2020 chị **S** đã bỏ nhà đi làm ăn và anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm gì đến nhau. Quá trình chung sống anh chị có ba con chung: cháu **Hoàng Quang L**, sinh ngày 13/9/2012, cháu **Hoàng Trung H**, sinh ngày 23/12/2015 và cháu **Hoàng Gia B**, sinh ngày 27/02/2018. Trong thời gian anh chị sống ly thân, anh **X** là người trực tiếp nuôi ba cháu, anh **X** vẫn đảm bảo điều kiện về ăn, ở, học tập của các cháu. Anh chị đều là lao động tự do, có mức thu nhập tương đương nhau, có nhà ở riêng tại **thôn V, xã V**. Về tài sản chung, do anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chúng tôi không cung cấp thông tin.

Tại phiên tòa hôm nay, chị **S** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị **Phan Thị S** được ly hôn anh **Hoàng Văn X**. Việc nuôi con: Giao cháu **Hoàng Gia B** cho chị **S** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu **B** đủ 18 tuổi, giao cháu **Hoàng Quang L** và cháu **Hoàng Trung H** cho anh **X** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **L**, cháu **H** cho đến khi cháu **L**, cháu **H** đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị **Phan Thị S** có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn là anh **Hoàng Văn X**, anh **Hoàng Văn X**

có nơi cư trú tại thôn V, xã V, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị S và anh Hoàng Văn X xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên anh chị thường xảy ra xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, việc ai người đẩy làm, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh Hoàng Văn X không hợp tác để tham gia hòa giải. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phan Thị S được ly hôn anh Hoàng Văn X.

[2.2] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống, anh chị có ba con chung là cháu Hoàng Quang L, sinh ngày 13/9/2012, cháu Hoàng Trung H, sinh ngày 23/12/2015 và cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 27/02/2018. Khi ly hôn, chị S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Gia B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi; giao cháu Hoàng Quang L và cháu Hoàng Trung H cho anh X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu L, cháu H cho đến khi cháu L, cháu H đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. HĐXX xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị S xuất phát từ tình cảm, vì lợi ích của con. Anh X và chị S đều có điều kiện nuôi con tương đương nhau. Tuy anh X không thể hiện nguyện vọng nuôi con nhưng trong thời gian anh chị sống ly thân anh là người nuôi dưỡng các con, bên cạnh đó các cháu Hoàng Quang L và cháu Hoàng Trung H đều có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu được sống cùng anh X. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Hoàng Quang L và cháu Hoàng Trung H cho anh X trực tiếp trông nom,



chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; giao cháu **Hoàng Gia B** cho chị **S** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu **B** đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị **S** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phan Thị S** được ly hôn anh **Hoàng Văn X**.

2. Về việc nuôi con: Xử giao hai cháu **Hoàng Quang L**, sinh ngày 13/9/2012, cháu **Hoàng Trung H**, sinh ngày 23/12/2015 cho anh **Hoàng Văn X** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu **L** và cháu **H** đủ 18 tuổi; giao cháu **Hoàng Gia B**, sinh ngày 27/02/2018 cho chị **Phan Thị S** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu **B** đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh, chị có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.*

3. Về án phí: Chị **Phan Thị S** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0003291, ngày 18/7/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Hồng**



